

...Q1., ngày 02 tháng 04 Năm ...2023.

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÍ 1/ 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90./2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Tiểu Học Nguyễn Thái Bình công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý 1 năm 2023 theo Quyết định số 05 /QĐ-NTB ngày 02/04/2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 1/2023	Thực hiện Dự toán Quý 1/ 2023(tỷ lệ %)	Thực hiện quý 1/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu				
I	Số thu phí, lệ phí	0	0		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	4.182.424.000	1.977.182.400	47	
	1. Thu sự nghiệp khác	4.066.924.000	1.907.592.500	47	
	- Tiền phục vụ bán trú	1.944.000.000	648.000.000	33	
	- Tiền vệ sinh bán trú	324.000.000	91.800.000	28	
	- Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	111.600.000	0	0	
	- Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày	456.150.000	171.327.500	38	
	- Tiền tổ chức lớp tự chọn - Tin học	459.000.000	109.505.000	24	
	- Tiền tổ chức lớp học tăng cường ,tự chọn Tiếng Anh	177.750.000	63.975.000	36	
	- Tiền tổ chức lớp học Tiếng Anh(người nước ngoài)	127.224.000	500.945.000	100	
	- Tiền Giáo dục kỹ năng sống		163.520.000	100	
	- Tiền tổ chức chương trình ngoại khóa, các môn năng khiếu	467.200.000	158.520.000	34	
	2. Thu cung ứng dịch vụ:	112.500.000	67.500.000	60	
	- Tiền cho thuê mặt bằng(Trạm phát sóng VNPT)	90.000.000	45.000.000	50	
	- Tiền cho thuê mặt bằng(Căn tin)	22.500.000	22.500.000	100	
	3. Thu lãi tiền gửi ngân hàng:	3.000.000	2.089.900	70	
	- Lãi gửi ngân hàng	3.000.000	2.089.900		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.510.000.000	1.304.855.176		
	Chi thường xuyên:				
1	Từ NSNN:	10.426.000.000	1.304.855.176	13	
	Chi thanh toán cá nhân	5.484.879.000	1.258.881.048	23	
	Chi tiền lương	2.625.499.000	642.204.901	24	
	- Lương theo ngạch, bậc	2.497.478.000	628.794.901	25	
	- Lương theo hợp đồng (chuyên môn)	74.381.000		0	
	- Lương theo hợp đồng (phổ cập)	53.640.000	13.410.000	25	
	Phụ cấp lương	1.643.267.000	360.555.528	22	

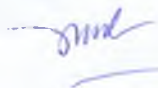
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 1/2023	Thực hiện Dự toán Quý 1/ 2023(tỷ lệ %)	Thực hiện quý 1/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Phụ cấp chức vụ	51.852.000	12.963.000	25	
	- Chi PC làm thêm giờ	192.840.000		0	
	- Chi PC ưu đãi nghề	883.879.000	221.654.517	25	
	- Chi PC trách nhiệm	10.728.000	2.682.000	25	
	- Chi PC độc hại (Thư viện)	0			
	- Chi PC thâm niên nhà giáo, vượt khung	503.968.000	123.256.011	24	
				0	
	Chi Học bổng học sinh sinh viên	14.160.000	0	0	
	Hỗ trợ chi phí học tập	7.160.000		0	
	Miễn giảm HP theo NĐ 86	7.000.000		0	
	Các khoản đóng góp	747.610.000	182.320.619	24	
	Bảo hiểm xã hội	556.731.000	135.770.674	24	
	Bảo hiểm y tế	95.440.000	23.274.973	24	
	Kinh phí công đoàn	63.626.000	15.516.648	24	
	Bảo hiểm thất nghiệp	31.813.000	7.758.324	24	
	Thanh toán khác cho cá nhân	454.343.000	73.800.000	16	
	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	304.343.000		0	
	Chi hỗ trợ GV dạy hòa nhập khuyết tật	120.000.000		0	
	Trợ cấp, phụ cấp khác	30.000.000	73.800.000	246	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	211.000.000	32.158.568	15	
	Thanh toán Dịch vụ công cộng	156.000.000	24.649.568	16	
	Tiền điện	60.000.000	10.480.778	17	
	Tiền nước	60.000.000	8.568.690	14	
	Tiền vệ sinh môi trường	36.000.000	5.600.100	16	
	Vật tư văn phòng	25.000.000	0	0	
	Văn phòng phẩm	25.000.000		0	
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	0			
	Thông tin Tuyên truyền liên lạc	6.000.000	1.509.000	25	
	Cước phí điện thoại				
	Cước phí bưu chính				
	Thuê bao cáp truyền hình				
	Cước phí internet, đường truyền mạng				
	Tuyên truyền, sách báo tạp chí	6.000.000	1.509.000	25	
	Chi phí hội nghị:	0			
	Chi phí khác				
	Công tác phí	24.000.000	6.000.000	25	
	Khoán công tác phí	24.000.000	6.000.000	25	
	Chi hỗ trợ, giải quyết việc làm	0	0		
	Chi TC thôi việc		0		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	0	0		
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng				
	Nhà cửa				
	Các thiết bị công nghệ thông tin				
	Tài sản và thiết bị văn phòng				
	Đường điện cấp thoát nước				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 1/2023	Thực hiện Dự toán Quý 1/2023(tỷ lệ %)	Thực hiện quý 1/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác				
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	0	0		
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng				
	Tài sản và thiết bị văn phòng				
	Các thiết bị công nghệ thông tin				
	Tài sản và thiết bị khác				
	Chi phí thuê mướn khác	80.780.000	13.815.560		
	Thuê mướn phương tiện vận tải				
	Thuê lao động trong nước	80.780.000	13.815.560	17	
	Thuê đào tạo lại cán bộ				
	Chi phí thuê mướn khác				
	Chi lập các quỹ	304.341.000	0		
	Quỹ phúc lợi	101.447.000			
	Quỹ khen thưởng	101.447.000			
	Quỹ phát triển HDSN	101.447.000			
	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập				
2	Từ nguồn thu sự nghiệp:	4.182.424.000	1.405.572.282	34	
	Chi thanh toán cá nhân	2.778.158.000	969.396.284	35	
	Chi tiền lương	1.093.500.000	422.992.900	39	
	- Lương theo ngạch, bậc		0	0	
	- Lương theo hợp đồng :		0	0	
	- Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	1.093.500.000	422.992.900	39	
	Phụ cấp lương		0		
	- Phụ cấp chức vụ		0		
	- Chi PC làm thêm giờ		0		
	- Chi PC ưu đãi nghề		0		
	- Chi PC trách nhiệm		0		
	- Chi PC độc hại (Thư viện)		0		
	- Chi PC thâm niên nhà giáo		0		
	- Chi PC thâm niên vượt khung		0		
	Các khoản đóng góp	226.395.000	93.480.192	41	
	Bảo hiểm xã hội	184.275.000	74.492.028	40	
	Bảo hiểm y tế	31.590.000	13.145.652	42	
	Kinh phí công đoàn		0		
	Bảo hiểm thất nghiệp	10.530.000	5.842.512	55	
	Thanh toán khác cho cá nhân	1.458.263.000	452.923.192	31	
	Trợ cấp, phụ cấp khác	1.458.263.000	304.923.192	21	
	Khen thưởng thi đua		148.000.000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	352.000.000	52.032.798	15	
	Thanh toán Dịch vụ công cộng	243.000.000	39.353.229	16	
	Tiền điện	108.000.000	16.288.064	15	
	Tiền nước	58.500.000	14.459.965	25	
	Tiền vệ sinh môi trường	76.500.000	8.605.200	11	
	Vật tư văn phòng	55.000.000	8.092.500	15	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 1/2023	Thực hiện Dự toán Quý 1/ 2023(tỷ lệ %)	Thực hiện quý 1/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Văn phòng phẩm	20.000.000	2.392.500		
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	35.000.000	5.700.000		
	Thông tin Tuyên truyền liên lạc	54.000.000	4.587.069	8	
	Cước phí điện thoại	4.500.000	166.685	4	
	Cước phí bưu chính		255.966		
	Thuê bao cấp truyền hình	40.500.000	0	0	
	Cước phí internet, đường truyền mạng		4.164.418		
	Tuyên truyền, sách báo tạp chí	9.000.000	0		
	Chi Hội Nghị	0	0		
	Chi in, mua tài liệu		0		
	Chi phí khác		0		
	Công tác phí	0	0		
	Khoản công tác phí		0		
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	207.000.000	10.000.000	5	
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	198.000.000	7.510.000		
	Nhà cửa		0		
	Các thiết bị công nghệ thông tin	9.000.000	2.490.000	28	
	Tài sản và thiết bị văn phòng		0		
	Đường điện cấp thoát nước		0		
	Đường sá, cầu cống, bến cảng sân bay		0		
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		0		
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	519.200.000	76.174.700	15	
	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	25.000.000	0		
	Tài sản và thiết bị văn phòng	25.000.000	0		
	Các thiết bị công nghệ thông tin	39.000.000	0		
	Mua, Bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		8.119.200		
	Tài sản và thiết bị khác	45.000.000	0		
	Chi mua hàng hóa, vật tư	273.600.000	43.389.000	16	
	Mua ăn chi, pho to tài liệu		242.000		
	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	26.000.000	0		
	Chi phí hoạt động chuyên môn của ngành	85.600.000	24.424.500		
	Chi phí thuê mướn khác	0	283.468.500		
	Thuê mướn phương tiện vận tải				
	Thuê lao động trong nước				
	Thuê đào tạo lại cán bộ				
	Chi phí thuê mướn khác(Trà Trung Tâm Anh ngữ)		283.468.500		
	Chi không thường xuyên:	163.106.000	14.500.000		
1	Từ NSNN:	84.000.000		0	
	Chi lương, Bảo hiểm cho GV phổ cập				
	Chi mua Hàng hóa vật tư				
	Chi mua sắm TSCĐ				
	Chi sửa chữa nhà cửa (chống thấm P học, P Ch năng, mất dựng nhà xe)				
	Chi thực hiện chương trình đào tạo				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý 1/2023	Thực hiện Dự toán Quý 1/ 2023(tỷ lệ %)	Thực hiện quý 1/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Chi thực hiện các CTMTQG				
	Chi thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước đặt hàng				
	Chi thực hiện tình gián biên chế (nếu có)				
	Chi ĐTXDCB				
	Chi đối ứng các dự án				
	Chi khác (nếu có) (chi tiết từng nội dung)				
	- Trợ cấp Tết	61.500.000		0	
	- Trợ cấp Phó Tổng Phụ trách Đội	22.500.000		0	
2	Từ nguồn thu sự nghiệp:	79.106.000	14.500.000		
	Chi thực hiện chương trình đào tạo				
	Chi mua sắm, sửa chữa				
	Chi nộp thuế	79.106.000	14.500.000	18	
	Chi phí ngân hàng		0	0	
3	Chi CNTT theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND	4.345.000.000	0	0	
	- Từ nguồn CCTL NSNN cấp	4.345.000.000		0	
	- Từ nguồn CCTL từ nguồn thu SN				
	PHÂN PHỐI KINH PHÍ TIẾT KIỆM ĐƯỢC TỪ KHOẢN CHÊNH LỆCH THU LỚN HƠN CHI	246.960.000	0		
	Trích CCTL theo quy định	98.784.000			
	Chi thu nhập tăng thêm				
	Trích lập các quỹ	148.176.000		0	
	Quỹ phúc lợi	39.419.000		0	
	Quỹ khen thưởng	39.419.000		0	
	Quỹ phát triển HDSN	39.419.000		0	
	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	29.919.000			
	TỔNG CỘNG CHI	14.692.424.000	2.710.427.458		

Lập Bảng



Nguyễn Thị Kim Loan

Ngày 2 tháng 4 năm 2023

Hiệu Trưởng



Phạm Ngọc Hiếu